

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0173026 - Thực tập công nhân xây dựng Cầu-Đường

STC : 4(60,0,0,0,0,0)

Lần thi : 1

Lớp :

Năm học : 2013-2014

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Phùng Khắc Anh	Tài	3551010060	21/05/1993		7,50	7,50	
2	Nguyễn Duy	Thanh	3571011222	24/04/1993		8,00	8,00	
3	Mai Trung	Thái	3571011224	06/04/1993		7,50	7,50	
4	Nguyễn Ngọc	Ly	3571011231	20/07/1993		,00	,00	Nợ HP
5	Nguyễn Quốc	Thịnh	3571011233	11/08/1993		8,00	8,00	
6	Quảng Đại Trung	Hiếu	3571011239	02/09/1993		7,50	7,50	
7	Nguyễn Chiêm	Nhật	3571011240	15/06/1993		6,50	6,50	Nợ HP
8	Phạm Đức	Thảo	3571011251	15/08/1993		7,50	7,50	
9	Lê Thành	Nhân	3571011255	11/11/1993		7,50	7,50	
10	Đình Cao	Nguyên	3571011258	15/02/1992		7,50	7,50	
11	Nguyễn Hữu	Tấn	3571011273	12/08/1993		7,50	7,50	Nợ HP
12	Nguyễn Thành	Công	3571011275	06/11/1993		8,00	8,00	
13	Nguyễn Huy	Toàn	3571011279	01/01/1993		7,00	7,00	Nợ HP
14	Lê Văn	Đoàn	3571011281	25/07/1993		8,00	8,00	
15	Lê Quốc	Hùng	3571011283	05/12/1993		7,50	7,50	
16	Huỳnh Trương Phước	Sang	3571011292	19/10/1993		,00	,00	Nợ HP
17	Lê Xuân	Đạt	3571011294	26/09/1993		7,50	7,50	Nợ HP
18	Trương Sĩ	Vinh	3571011309	15/06/1993		7,50	7,50	
19	Lê Minh	Hoa	3571011313	02/02/1993		7,50	7,50	
20	Phùng Viết	Trúc	3571011332	12/12/1992		7,50	7,50	
21	Lê Nguyễn Tuấn	Khanh	3571011341	28/10/1993		7,00	7,00	
22	Lê Quốc	Cường	3571011344	13/03/1993		8,50	8,50	Nợ HP
23	Kiều Đình	Dũng	3571011347	09/10/1993		7,50	7,50	
24	Võ Quốc	Hiếu	3571011349	29/07/1993		7,50	7,50	
25	Võ Đức	Long	3571011354	26/08/1993		8,50	8,50	
26	Nguyễn Khắc	Đức	3571011366	25/08/1993		,00	,00	Nợ HP
27	Huỳnh Tấn	Nhật	3571011372	20/05/1993		9,00	9,00	
28	Phạm Bảo	Chúc	3571011373	08/03/1993		7,50	7,50	Nợ HP
29	Nguyễn Minh	Quyết	3571011376	15/12/1991		7,50	7,50	
30	Nguyễn Thái	Lượng	3571011384	21/10/1993		7,00	7,00	
31	Phạm Quang	Thuần	3571011385	27/09/1993		7,50	7,50	
32	Trần Văn	Toán	3571011395	30/06/1993		7,50	7,50	Nợ HP
33	Tô Văn	Thư	3571011398	21/10/1993		8,00	8,00	
34	Huỳnh Minh	Quang	3571011401	19/05/1992		5,50	5,50	
35	Phạm Văn	Phong	3571011409	08/04/1991		7,50	7,50	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Đỗ Lê Hoàng	Khánh	3571011417	06/01/1993		8,50	8,50	Nợ HP
37	Nguyễn Văn	Dũng	3571011426	10/03/1991		7,00	7,00	
38	Châu Văn	Thuận	3571011429	31/03/1993		8,00	8,00	
39	Tăng Ngọc	Giang	3571011441	02/09/1992		7,50	7,50	
40	Cao Văn	Cát	3571011793	14/06/1992		7,00	7,00	
41	Lê Thành	Hiếu	3571011801	09/02/1992		8,00	8,00	
42	Huỳnh Việt	Mỹ	3571011803	02/06/1993		8,00	8,00	
43	Tài Đại Duy	Quang	3571011804	12/03/1992		6,50	6,50	
44	Phan Công	Hợp	3571011815	12/04/1993		8,00	8,00	
45	Nguyễn Quốc	Hưng	3571011816	05/05/1990		,00	,00	Nợ HP

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 12 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)